

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 14 - 11 - 2019.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 533/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ 3, ấp 10, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn, anh chị sống không thuận, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do sau khi kết hôn được khoảng 2 đến 3 tháng thì chị L có biểu hiện cộc cằn với gia đình anh, anh khuyên bảo nhưng chị L không nghe rồi to tiếng với anh.

Sau đó, chị L dọn đồ về nhà cha mẹ ruột ở từ giữa tháng 1 năm 2015 cho đến nay. Anh có đến khuyên chị L quay về nhưng không được. Từ đó, anh không còn quan tâm đến chị L nữa. Chị L đã sống chung với người khác và đã có con với người này. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với chị L nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Bị đơn chị Dương Thị L:* Chị L đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Anh H và chị L có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn, huyện Long Thành nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập đã xác định mâu thuẫn giữa anh H và chị L đã ở mức trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường gây gổ nhau, nay anh H không còn tình cảm với chị L nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị L là có căn cứ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H, chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Sơn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/2018 ngày 30/10/2014, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo lời trình bày của anh H và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, giữa Anh H và chị L có phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2015 cho đến nay. Như vậy, giữa Anh H và chị L không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét việc Anh H yêu cầu được ly hôn với chị L là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa anh H và chị L.

[3] Về con chung: Anh H khai không có, theo kết quả xác minh tại địa phương thì anh chị không có con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh H khai không có. Chị L thì không có lời khai cũng như không gửi yêu cầu gì cho Tòa án nên không xem xét trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Anh H khai không có, chị L thì không gửi yêu cầu gì cho Tòa án, theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, **Điều 238**, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức H về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với chị Dương Thị L, cho ly hôn giữa anh H và chị L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005297 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Nai. Anh H đã nộp xong.

Anh H, chị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. L ;
- UBND xã B .
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa